

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HS-PT

Ngày: 13 – 11 – 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Thẩm phán: Bà **Châu Minh Nguyệt**

Ông **Bùi Anh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phái** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Nguyệt Hân** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 87/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Hoàng D do có kháng cáo của bị cáo Phạm Hoàng D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 123/2023/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo: **Phạm Hoàng D**, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2000 tại Thành Phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: số 39/37, đường H, phường T, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Huy H và bà Ngô Thị N; có chồng và 01 con; tiền án, tiền sự: không. *(Có mặt)*

- Bị hại: bà **Phan Thị Huyền L**, sinh ngày 30 tháng 10 năm 1996; địa chỉ cư trú: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Phạm Duy K**, sinh ngày 27 tháng 02 năm 1980; địa chỉ cư trú: Khóm 2, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghi ngờ chồng bị cáo là ông Nguyễn Hữu T có quan hệ ngoại tình với bà Phan Thị Huyền L nên bị cáo đã liên hệ với bà L qua tin nhắn zalo, điện thoại nói chuyện và hẹn gặp gỡ với bà L để xác định thông tin.

Vào khoảng 12 giờ ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại Quán cà phê HK, đường 23/8, Khóm 2, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, khi bị cáo gặp bà L nói chuyện thì bà L có lời lẽ thách thức nên cả hai xảy ra mâu thuẫn. Từ đó, bị cáo đã có hành vi dùng ly thủy tinh đập vào vùng mặt của bà L, sau đó dùng kéo định cắt tóc bà L, quá trình giằng co bị cáo đã gây các thương tích cho bà L.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 24/TgT ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bạc Liêu, đã kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Bốn sẹo ở vùng cằm. Tỷ lệ: 04%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ sau ra trước.
- Một sẹo ở trán phải. Tỷ lệ: 03%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ trước ra sau.
- Một sẹo phức tạp ở vùng mũi. Tỷ lệ: 03%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ trước ra sau.
- Một sẹo ở mi mắt trong bên trái. Tỷ lệ: 03%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ trước ra sau.
- Một sẹo ở má phải. Tỷ lệ: 03%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ trước ra sau.
- Một sẹo ở má trái. Tỷ lệ: 03%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ trước ra sau.

- Một sẹo ở mặt trong môi trên bên trái. Tỷ lệ: 01%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ trước ra sau.

- Một sẹo ở môi trên (gần cánh mũi trái). Tỷ lệ: 03%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ trước ra sau.

- Một sẹo ở mặt ngoài môi trên bên trái. Tỷ lệ: 03%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ trước ra sau.

- Một sẹo ở mặt trong môi dưới bên trái. Tỷ lệ: 01%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ trước ra sau.

Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019, của Bộ trưởng Bộ y tế Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 24%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 123/2023/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Hoàng D phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Hoàng D 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 và 590 Bộ luật Dân sự; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự; Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại. Buộc bị cáo Phạm Hoàng D bồi thường cho bà Phan Thị Huyền L số tiền 90.000.000đ, trừ số tiền bị cáo đã bồi thường trước cho người bị hại, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho người bị hại số tiền 50.000.000đ.

4. Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự. Trả lại cho anh Phạm Huy K 01 ly thủy tinh.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Phạm Hoàng D phải nộp 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 13 tháng 9 năm 2023 bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo và yêu cầu giải quyết phần bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo không có cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới. Đối với phần trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa sơ thẩm đã ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại nên việc bị cáo yêu cầu tính lại số tiền bồi thường là không có căn cứ. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận và giữ nguyên kháng cáo.

- Bị hại yêu cầu giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như phúc thẩm bị cáo thừa nhận thương tích của bị hại 24% là do bị cáo đã có hành vi dùng ly thủy tinh và cây kéo bằng kim loại gây ra, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ 24% nên cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo. Đã căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều

51 của Bộ luật Hình sự, để từ đó áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt đối với bị cáo ở khung liên kề nhẹ hơn và chỉ phạt bị cáo 09 tháng tù, trong khi bị cáo gây thương tích cho bị hại đến 24%. Như vậy, đã thể hiện sự khoan hồng đặc biệt đối với bị cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin được hưởng án treo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa sơ thẩm đã buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 90.000.000đ (trong đó bị cáo đã bồi thường 40.000.000đ nên phải có trách nhiệm bồi thường tiếp số tiền 50.000.000đ) là trên cơ sở ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và bị hại, bao gồm cả chi phí thẩm mỹ. Một trong các căn cứ để cấp sơ thẩm quyết định hình phạt của bị cáo 09 tháng tù là do bị cáo tự nguyện bồi thường theo yêu cầu của bị hại; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không nêu ra được lý do hay căn cứ để thay đổi mức bồi thường, ngoài ra với số tiền 90.000.000đ là tương đối phù hợp với chi phí điều trị, phục hồi vết thương và chi phí thẩm mỹ nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Tại bản án sơ thẩm đã tuyên trả lại cho ông Phạm Huy K 01 ly thủy tinh là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đây là không là vật chứng vụ án, mà là tài sản hợp pháp của ông K, Cơ quan điều tra thu giữ vật tương tự với cái ly bị cáo đã gây thương tích nhằm phục vụ việc điều tra, nhưng việc cấp sơ thẩm không đưa ông K vào tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng, tuy nhiên việc vi phạm này là không nghiêm trọng và không xâm phạm đến quyền và lợi ích của ông K. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của cho ông K và cho việc thi hành án, cấp phúc thẩm đã bổ sung ông K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Việc sai sót và vi phạm này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ.

[7] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 3 Điều 106; Khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

- Điều 590 của Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phạm Hoàng D.**
2. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 123/2023/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
3. Tuyên bố bị cáo **Phạm Hoàng D** phạm tội “**Cố ý gây thương tích**”.
4. Xử phạt bị cáo **Phạm Hoàng D 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.
5. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Hoàng D bồi thường cho bà Phan Thị Huyền L số tiền còn lại là 50.000.000đ.
6. Về vật chứng vụ án: Trả lại cho ông Phạm Duy K 01 ly thủy tinh, không rõ nhãn hiệu, đường kính miệng 08cm, đường kính đáy 5,5cm và chiều cao là 12cm, đã qua sử dụng, được niêm phong thành gói niêm phong, có chữ ký xác nhận của Điều tra viên Huỳnh Văn Được, Phạm Hoàng D và dấu in hình tròn màu đỏ “Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bạc Liêu”

Hiện do Chi cục Thi hành án thành phố Bạc Liêu quản lý, theo biên bản giao nhận ngày 30 tháng 6 năm 2023.

7. Về án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị cáo Phạm Hoàng D phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ;

- Buộc bị cáo Phạm Hoàng D phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 2.500.000đ;

8. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

10. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Gửi Viện kiểm sát cùng cấp;
- Gửi Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Gửi CQĐT, VKS, TA xét xử sơ thẩm;
- Gửi nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Gửi người kháng cáo;
- Gửi người có liên quan đến kháng cáo hoặc kháng nghị (nếu có);
- Gửi Cơ quan THA dân sự có thẩm quyền (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Tấn